

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường 2020 - 2025

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2695/QĐ-BGDDT ngày 21/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 07/12/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Công văn số 399/CV-ĐHSP ngày 20/10/2020 của Phó Hiệu trưởng phụ trách trường về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường 2020 - 2025 tầm nhìn 2030.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường 2020 - 2025 tầm nhìn 2030.

Điều 2. Giao cho Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để biết);
- Ban Giám hiệu (để thực hiện);
- Lưu: VP HĐT, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Minh Hồng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIAI ĐOẠN 2020 – 2025 TẦM NHÌN 2030

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2020

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIAI ĐOẠN 2020 – 2025 TẦM NHÌN 2030**

MỞ ĐẦU

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

1.1. Bối cảnh quốc tế

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động vào mọi khía cạnh của cuộc sống và trên mọi lĩnh vực, đã tạo nên sự thay đổi nhanh chóng và vượt bậc trong các ngành, nghề, kinh tế, xã hội và giáo dục. Các thành tựu của khoa học kỹ thuật, của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo đã ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống của con người trong đó có giáo dục và đào tạo.

Xu hướng phát triển khoa học giáo dục trong hiện nay nhấn mạnh tới việc cá nhân hoá chương trình học tập dựa trên năng lực của từng người học và ứng dụng khoa học và công nghệ mới vào giáo dục như: Điện toán đám mây, thực tế ảo và thực tế ảo tăng cường, STEM và STEAM, học trên thiết bị di động, áp dụng trí tuệ nhân tạo và người máy trong công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, vai trò của người dạy cũng thay đổi, họ không còn là người truyền đạt tri thức nữa mà chỉ làm công tác định hướng, tổ chức quá trình học tập của sinh viên, khơi gợi tinh thần học hỏi và hướng dẫn về mặt phương pháp. Điều cần nhấn mạnh đó là học tập toàn cầu đang trở thành xu thế mà người làm chủ công nghệ và làm chủ thông tin, làm chủ về kỹ thuật sẽ đảm bảo thành công.

Vấn đề đào tạo giáo viên là trọng điểm của các quốc gia hiện nay bởi giáo viên là nhân sự quan trọng để đảm bảo hoạt động dạy học diễn ra hiệu quả. Việc đào tạo giáo viên ở các nước có nền giáo dục tiên tiến chủ yếu là theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp với mục đích bảo đảm chất lượng đào tạo giáo viên đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Xu hướng đào tạo dựa trên năng lực nhấn mạnh

đến những yếu tố mà người giáo viên có thể làm trong môi trường thực tế để đảm bảo năng lực nghề nghiệp đích thực đang rất được chú trọng. Những nghiên cứu khác nhau về năng lực của người giáo viên sẽ đưa đến những năng lực cụ thể khác nhau nhưng tổng thể năng lực của người giáo viên được quan niệm hiện nay trước hết phải là nhà giáo dục, có phẩm chất nhân cách tốt đẹp để giáo dục học sinh bằng nhân cách của mình; có năng lực giáo dục biểu hiện ở năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục; có năng lực dạy học biểu hiện ở việc nắm vững kiến thức kỹ năng môn học, nắm vững phương pháp dạy học, dạy học phân hóa, dạy học tích hợp các khoa học; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; có năng lực tự phát triển nghề nghiệp bằng tự học, tự nghiên cứu; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề giáo dục bằng nghiên cứu khoa học. Đó chính là những lĩnh vực cấu thành phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên trong nhà trường phổ thông hiện đại. Yêu cầu này, thách thức này nhà sư phạm và trường sư phạm cần phải đáp ứng bởi trường sư phạm là nơi đảm trách công tác đào tạo nhà giáo, nhà quản lý giáo dục.

Nếu vấn đề đào tạo giáo viên có thể thực hiện một cách hệ thống, bài bản thì với những yêu cầu trong tình hình kinh tế, chính trị, khoa học công nghệ phát triển không ngừng trên thế giới, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng được đòi hỏi của mỗi quốc gia là khác nhau. Bởi yêu cầu đổi mới giáo dục cần được thực hiện song hành công tác đào tạo và bồi dưỡng. Giáo viên cần được bồi dưỡng để nâng cao năng lực nghề nghiệp và cụ thể hơn là đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. Hơn nữa, trách nhiệm bồi dưỡng vừa là trách nhiệm của ngành, vừa là trách nhiệm của các Trường Sư phạm như việc tuân thủ nhiệm vụ sau đào tạo và giáo dục suốt đời. Thực tiễn cho thấy phương thức bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng đòi hỏi có sự thay đổi và vấn đề này có sự tương đồng ở nhiều nước trên thế giới. Một số điểm nhấn quan trọng trong xu hướng bồi dưỡng giáo viên trên thế giới có thể quan tâm:

- Chú trọng đầu tư, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo giáo viên là một trong những điểm nhấn của nâng cao chất lượng giáo dục trên thế giới. Điều này được thể hiện rõ ở một số nước có nền giáo dục phát triển như Phần Lan,

Singapore, Malaysia... trong đó, các cơ sở đào tạo giáo viên cần có trách nhiệm “đảm bảo lâu dài” các sản phẩm đào tạo của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, giảng viên sư phạm vẫn còn một số chưa cập nhật chương trình giáo dục phổ thông; chưa có kinh nghiệm thực tiễn giáo dục phổ thông đủ dày và đủ chuyên sâu; chưa nhận thức đủ độ đến về tầm quan trọng của công tác bồi dưỡng giáo viên.

- Nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên ở tất cả các cấp cả về trình độ và kỹ năng nghề là trách nhiệm quan trọng. Ở một số nước có nền giáo dục phát triển, giáo viên là người có trình độ tối thiểu là đại học và hiện nay, chuẩn giáo viên theo quy định của Luật Giáo dục sửa đổi của nước ta cũng đã nâng lên trình độ chuẩn của giáo viên tiểu học và giáo viên mầm non. Do vậy, bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên hướng đến phát triển bền vững năng lực chuyên môn, phẩm chất nhân cách nghề cho đội ngũ giáo viên hết sức được chú trọng.

- Đa dạng hoá các hình thức bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp giáo viên, trong đó phát triển chuyên môn dựa vào nhà trường, gắn kết với thực tiễn của giáo viên, xây dựng các cộng đồng học tập chuyên môn là cốt lõi. Việc đa dạng hoá các hình thức bồi dưỡng giáo viên cho phép nâng cao năng lực của giáo viên, đồng thời kết hợp trực tiếp được với các hoạt động của giáo viên tại trường phổ thông.

- Bồi dưỡng và phát triển năng lực giáo viên xuất phát từ nhu cầu phát triển nghề nghiệp của chính giáo viên và từ yêu cầu khách quan của ngành, của cơ sở giáo dục và những yêu cầu nghề nghiệp khác. Hơn thế nữa, việc bồi dưỡng trên hệ thống Internet thông qua các khóa học trực tuyến toàn phần hay bán trực tuyến, bồi dưỡng trên hệ thống VLE với các module theo hình thức tự bồi dưỡng là vấn đề cần đầu tư và triển khai trong công tác bồi dưỡng giáo viên.

- Bồi dưỡng và phát triển năng lực giáo viên luôn gắn với đãi ngộ và tôn vinh. Malaysia xếp mức lương của giáo viên dựa trên kết quả, thành tích nghề nghiệp của họ; điều này đảm bảo sự công bằng nghề nghiệp và tạo động lực thúc đẩy giáo viên chủ động tham gia các hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn. Kinh nghiệm các chính sách tôn vinh của xã hội đối với người giáo viên của Phần Lan thực sự là chìa khoá để giúp người giáo viên tự hào nghề nghiệp, cống hiến

hết mình và tích cực trau dồi, phát triển nghề nghiệp của mình, mà không cần các yêu cầu có tính hành chính.

Không chỉ với công tác bồi dưỡng giáo viên mà công tác đào tạo giáo viên cũng cần bám sát các định hướng trên, trong đó đổi mới mô hình, phương thức đào tạo giáo viên là trách nhiệm của các trường Sư phạm trong đó có Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bối cảnh trong nước

Giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật và văn minh của quốc gia. Nghị quyết 29-NQ/TW đề ra 07 định hướng lớn nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo với mục tiêu tổng quát: “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo... Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”.

Hệ thống sư phạm của Việt Nam có nhiều điểm mạnh nhưng chưa thực sự sẵn sàng để giúp đội ngũ giáo viên đạt được các chuẩn năng lực và kỹ năng mới cũng như đảm bảo cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên tại cơ sở có chất lượng và tính đáp ứng cao nhất. Một trong những thách thức lớn nhất là các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng giáo viên vẫn chưa hoạt động một cách đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu mới của giáo viên và cán bộ quản lý các trường phổ thông. Hiện nay, đề án sắp xếp lại các trường Đại học và đề án chuyên biệt về sắp xếp các trường Đại học Sư phạm trong cả nước đã xác định những nội dung cơ bản đang chờ Thủ tướng phê duyệt. Điểm nhấn đó là phát triển các Trường Sư phạm trọng điểm, Sư phạm vùng; gắn kết các trường Sư phạm vệ tinh với Sư phạm trọng điểm; phát triển các Trường Sư phạm đạt chuẩn, đào tạo đội ngũ tương thích giữa cung và cầu dựa trên chính sách mới dành cho sinh viên Sư phạm; đảm bảo chất lượng đào tạo giáo viên thông qua rà soát, giảm chỉ tiêu sinh viên Sư phạm ở một số Trường Đại học địa phương, Khoa Sư phạm ở địa phương...

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là một trong 22 trường Đại học trọng điểm Quốc gia và là 1 trong 2 trường Đại học Sư phạm trọng điểm của cả nước, đóng vai trò nòng cốt, đầu đàn đối với hệ thống các trường sư phạm

và phổ thông ở phía Nam. Từ ngày thành lập đến nay, Trường đã được Chủ tịch Nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1986), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1996), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2007). Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương tặng nhiều Bằng khen cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), phong trào, đoàn thể của Trường. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo giáo viên có truyền thống và bắt nhịp với những thay đổi của bối cảnh. Trường cũng là đơn vị khẳng định được uy tín của mình trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đặc biệt là xu hướng ứng dụng, thực hành. Với vị trí và vai trò của mình, Trường đã sớm nhận thức và chủ động đổi mới nhằm đáp ứng những yêu cầu mới trong công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 47 đơn vị (phân theo đơn vị cơ sở, đơn vị hành chính, trực thuộc,...) với số nhân sự làm việc gần 800 người. Ngoài ra, còn có nhân sự hợp đồng khoán việc và các nhân sự hợp đồng khác. Mỗi năm, trường tuyển sinh khoảng 4000 đến 4.500 sinh viên chính quy; 350 đến 500 học viên Cao học và Nghiên cứu sinh; số học viên đang bồi dưỡng hàng năm lên đến từ 10.000 đến 30.000 người; số sinh viên VHVL chiếm từ 30 đến 50% sinh viên chính quy. Ngoài ra, chưa kể đến gần 1000 học sinh THPT, TT Thuận An cũng là nhóm đối tượng cần quan tâm; số học viên ở các Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm Tin học; Trung tâm khác thuộc Trường cũng rất đáng kể. Như vậy, tính lưu lượng chung cho thấy mỗi năm có khoảng 30.000 sinh viên, học viên các hệ; 30.000 học viên; 1000 học sinh học tập tại Trường. Đây là con số cho thấy áp lực tổ chức đào tạo, giáo dục và đảm bảo chất lượng rất nặng nề.

Bối cảnh các Trường Đại học trong cả nước đang “chạy đua” về việc khẳng định vị thế, xếp hạng. Song song với việc đảm bảo chất lượng được thực thi qua kiểm định chất lượng các cấp thì việc tham gia các bảng xếp hạng của nhiều Trường Đại học tại Việt Nam tạo ra sự cạnh tranh một cách quyết liệt. Một số Trường Đại học Việt Nam liên tiếp tăng hạng trong các bảng xếp hạng quốc tế là

sức ép đối với các Trường Sư phạm trong đó có Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2020, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức thuộc nhóm 551 - 600 theo bảng xếp hạng QS các trường đào tạo có uy tín cho thấy Trường cần có những định hướng mới để đầu tư. Việc đầu tư này cần lấy điểm tựa về Nghiên cứu khoa học - công bố quốc tế khi các bảng xếp thứ hạng đều đánh giá điểm quy đổi từ hoạt động này với tỉ phần 1/4 đến 1/2... muốn tăng hạng ở BXH nào thì cứ tập trung vào tiêu chí trọng số cao của BXH đó.

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã có Hội đồng Trường và đã đi vào hoạt động bước đầu khá hiệu quả. Ban Giám hiệu Trường đang được kiện toàn. Cơ chế phối hợp của tập thể lãnh đạo nhà trường được xác lập rõ ràng, cụ thể trên tinh thần đồng thuận cao.

Chương trình ETEP là chương trình được hỗ trợ bởi Ngân hàng Thế giới với mục tiêu phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông. Tham gia Chương trình ETEP là một trong những cơ hội và hoạt động có ý nghĩa lớn cho định hướng phát triển đào tạo sư phạm của Trường. Trong phạm vi chương trình ETEP, Trường vừa là một thành viên thụ hưởng của chương trình như các trường sư phạm khác, vừa có vai trò đầu tàu, có trách nhiệm nâng cao năng lực đào tạo và bồi dưỡng sư phạm cho các trường thành viên, góp phần vào nâng cao chất lượng giáo viên của cả nước. Kết thúc chương trình, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đặt mục tiêu đạt mức điểm 5 - mức cao nhất trong thang đánh giá năng lực các trường sư phạm (TEIDI). Hiện nay, chương trình ETEP đã thực hiện được gần 2/3 chu trình và không có bất kỳ cơ hội gia hạn nào. Đến tháng 6 năm 2022, chương trình sẽ kết thúc và điều này đòi hỏi Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh phải phát triển đúng tầm với vị thế của Trường, với nguồn kinh phí đầu tư từ chương trình thể hiện ở hiệu quả kép: Phát triển năng lực nội bộ Trường; đảm bảo hiệu quả công tác bồi dưỡng như một yêu cầu quan trọng và cơ bản về đầu ra. Hơn thế nữa, với tầm ảnh hưởng với 19 tỉnh thành trong các địa bàn phụ trách bồi dưỡng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cần xem xét đây là bối cảnh mới rất cơ bản và thiết thực.

II. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

1. Sứ mạng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học sư phạm trọng điểm Quốc gia, đào tạo đại học, sau đại học, tổ chức nghiên cứu về giáo dục và các ngành khoa học khác để phục vụ tốt nhu cầu đào tạo giáo viên chất lượng cao, nhu cầu nghiên cứu đạt trình độ tiên tiến, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh thành phía Nam và cả nước.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trường đại học sư phạm trọng điểm Quốc gia, có uy tín cao trong toàn quốc, ngang tầm với các cơ sở đào tạo trong khu vực Đông Nam Á; là cơ sở giáo dục đại học ảnh hưởng và góp phần vào sự phát triển của các cơ sở đào tạo giáo viên của khu vực phía Nam cũng như của cả nước; là nơi hội tụ đội ngũ nhà khoa học và các chuyên gia, giảng viên có trình độ, nghiệp vụ cao; đảm bảo các điều kiện đào tạo – nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu và đào tạo đạt chất lượng cao, người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm nghề thực tiễn, thích ứng nhanh, sáng tạo và không ngừng phát triển.

3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn.

4. Triết lý giáo dục

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tuân thủ quan điểm giáo dục nhằm đào tạo người học đạt chuẩn: trở thành người làm nghề chuyên nghiệp, có đạo đức, có kỷ luật, có trách nhiệm với cộng đồng và thích ứng cao

Trường xây dựng môi trường giáo dục kiến tạo, hướng đến người học - nhân vật trung tâm của hoạt động giáo dục. Hoạt động giáo dục tổ chức hệ thống, linh hoạt, đảm bảo gắn đào tạo với thực hành - ứng dụng, hướng đến sự thích ứng xã hội và nghề nghiệp để thành công và hạnh phúc. Các bên có liên quan đến hoạt động giáo dục của Trường cam kết đồng hành, hỗ trợ cho công tác giáo dục một cách hiệu quả.

Trường tôn trọng và xem văn hóa chất lượng trong giáo dục là tôn chỉ hoạt động. Trường sử dụng đa dạng các phương thức giáo dục, phương pháp đào tạo tôn trọng sự khác biệt, khuyến khích phát triển nội lực, tư duy tích cực, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và hứng thú nghề nghiệp.

5. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh thành trường đại học ứng dụng, trọng điểm sư phạm, với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH đạt trình độ tiên tiến, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về tổ chức bộ máy: Tái cấu trúc bộ máy Nhà trường theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và vận hành hiệu quả. Tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Pháp luật; Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường năng lực quản trị đại học. Phát triển các đơn vị trực thuộc mũi nhọn của nhà trường, định hướng quản trị hệ thống các cơ sở của Trường và đón đầu việc phát triển thêm cơ sở đào tạo phân hiệu của Trường.

Về nguồn nhân lực: Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, có phong cách chuyên nghiệp và hiệu quả; Phát triển đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ có uy tín về học thuật và thực hành - ứng dụng, có quyết tâm cống hiến và xây dựng, phát triển Trường.

Về đảm bảo chất lượng: Xây dựng một kế hoạch đảm bảo chất lượng dài hạn và một cơ chế đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Xác định điểm đến xếp hạng và thực hiện điểm rơi xếp hạng phù hợp. Trường tập trung vào bảng xếp hạng của QS dựa trên lượng công bố trên SCOPUS trong vòng 5 năm, ví dụ muốn vào QS 2022 thì phải tính số bài và trích dẫn SCOPUS từ 2017 - 2021 với chỉ tiêu mỗi năm từ 140 bài đến 150 bài (theo phương thức tăng dần, tăng bù), hướng đến các tạp chí có IF (Impact Factor, hệ số ảnh hưởng) càng cao

thì cơ hội tăng trích dẫn càng nhiều thì mới có cơ hội đạt tiêu chí “Tỉ lệ trích dẫn nghiên cứu, luận văn/giảng viên”.

Về đào tạo và bồi dưỡng: Xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp, mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín trên thế giới, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đặc biệt là đào tạo - bồi dưỡng trực tuyến, từng bước làm chủ môi trường học tập ảo và khai thác hiệu quả.

Về nghiên cứu khoa học: Xây dựng chính sách nhằm cải thiện điều kiện, khuyến khích hoạt động nghiên cứu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục song song với nghiên cứu cơ bản, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học thông qua việc gia tăng các công trình được đăng trong các tạp chí có tên trong danh mục của ISI, SCOPUS; thúc đẩy các công bố quốc tế bằng các biện pháp cụ thể để đảm bảo định hướng xếp hạng hiệu quả; tiến hành xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và thực hiện các nghiên cứu đặt hàng hoặc các nghiên cứu tạo dấu ấn ở các quy mô khác nhau.

Về cơ sở vật chất - CNTT: Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, từng bước hiện đại hoá đáp ứng quy mô đào tạo; cơ sở vật chất của từng cơ sở được phát triển trên tầm nhìn chung, có quan điểm tổng thể và khai thác hiệu quả, tạo dấu ấn đặc trưng; định hướng mở rộng các cơ sở đào tạo theo định hướng phát triển lan tỏa, phân hiệu, vệ tinh; xây dựng và phát triển hệ thống thông tin tổng thể nhằm đồng bộ hoá và tin học hoá các hoạt động của Trường; tiến hành xây dựng, phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến triển khai tổ chức đào tạo nhằm nâng cao hiệu suất đào tạo, bồi dưỡng và giảm áp lực về cơ sở vật chất

Về tài chính: Nỗ lực khai thác nguồn thu hợp pháp và nguồn lực đầu tư đa dạng hướng đến cơ chế tự chủ; Chọn lọc và thực hiện các giải pháp thu hút nguồn tài chính từ các Dự án, các Đề án và các Hợp đồng đặt hàng cả về đào tạo lẫn bồi dưỡng; Nâng cao nguồn thu bằng các biện pháp cụ thể gắn liền với các kế hoạch hành động; Thực hiện quản lý và điều hành ngân sách hiệu quả, minh bạch; Cải thiện thu nhập của người lao động dựa trên các cơ sở về đề án vị trí việc làm, đăng ký kế hoạch, chỉ tiêu và tự đánh giá - đánh giá hiệu quả lao động theo quý, năm.

3.3. Các chương trình chiến lược:

Để phát triển nhà trường và thực hiện mục tiêu cụ thể, cần đảm bảo thực hiện các chương trình hành động cụ thể sau

3.3.1. Chương trình 1: Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên viên và CBQL giáo dục.

Mục tiêu của chương trình là xây dựng đội ngũ giảng viên, chuyên viên và CBQL giáo dục chuẩn về chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu để có đủ năng lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Trường trong thời kì mới. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ đáp ứng cả về số lượng nhưng có ưu tiên về chất lượng trong đó đảm bảo các chức danh nghề nghiệp, học hàm, học vị... cũng như phát triển thành chuyên gia trong lĩnh vực hay mảng công việc cụ thể.

3.3.2. Chương trình 2: Đổi mới hoạt động đào tạo, hoạt động bồi dưỡng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát triển đào tạo và bồi dưỡng chất lượng, gắn kết và có trách nhiệm.

Mục tiêu chương trình là nghiên cứu và thực hiện đổi mới phương thức đào tạo, mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; phát triển công tác bồi dưỡng như trách nhiệm bền chặt và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học góp phần đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của xã hội, ngành giáo dục và đào tạo.

3.3.3. Chương trình 3: Xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, mang dấu ấn của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư có trọng điểm và khai thác hiệu quả các cơ sở của Trường; mở rộng số cơ sở của Trường theo định hướng bổ sung cơ sở đào tạo hay vệ tinh đào tạo; phát triển đào tạo - bồi dưỡng trực tuyến và khai thác hiệu quả đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Mục tiêu của chương trình là xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, mang dấu ấn của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa và từng bước hiện đại hóa trang thiết bị hướng đến việc khai

thác hiệu quả các cơ sở của Trường. Phát triển hệ thống VLE của Trường để đào tạo - bồi dưỡng trực tuyến nhằm giảm tải áp lực về cơ sở vật chất, lưu lượng nhân sự và tăng nguồn thu; đầu tư và tiết kiệm hiệu quả, có lợi.

3.3.4. Phát triển hoạt động khoa học công nghệ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo các chỉ số phát triển nhà trường theo định hướng xếp hạng, phân loại Trường Đại học

Mục tiêu của chương trình là xây dựng các kế hoạch, giải pháp cụ thể phát triển hoạt động khoa học công nghệ theo định hướng nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành, Trường, xã hội; nghiên cứu có sản phẩm chuyển giao hay nghiên cứu có sản phẩm khai thác bồi dưỡng, đào tạo; nghiên cứu gắn liền với các công bố quốc tế để gia tăng các bài báo công bố quốc tế uy tín, tạo tiền đề điểm rơi cho các tiêu chí xếp hạng Trường theo các bộ tiêu chí hay các bảng xếp hạng.

3.3.5. Chương trình 5: Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tôn trọng, hiện đại và nhân văn trong Nhà trường; hướng đến việc tạo ra dấu ấn về hình ảnh của Trường trên truyền thông và trong thực tiễn làm việc, ứng xử

Mục tiêu chương trình là phát huy tinh thần dân chủ ở cơ sở nhằm tạo sự đồng thuận cao trong giảng viên, chuyên viên và SV, kết hợp với tăng cường hiệu lực quản lí Nhà nước theo quy định của Pháp luật trong mọi lĩnh vực hoạt động của Trường. Thực hiện các hành động cụ thể để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tôn trọng, hiện đại và nhân văn trong Nhà trường thông qua các định hướng, điều chỉnh; hoàn thiện. Phát triển môi trường của Trường trong tầm nhìn chung và hoạt động đặc thù của các cơ sở hướng đến việc tạo ra dấu ấn về hình ảnh của Trường trên truyền thông và trong thực tiễn làm việc, ứng xử chuyên nghiệp, văn minh.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 tiếp tục thực hiện các yêu cầu về chiến lược phát triển Trường 2017 - 2022, có cập nhật các yêu cầu

mới dựa trên bối cảnh, tình hình mới và kết quả đạt được trước đó theo lộ trình

1. Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

- Rà soát điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp nhằm nâng cao vị thế hiện tại và trong tương lai của Trường trong khu vực và quốc tế;
- Đa dạng hoá các hình thức công bố, tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch và làm cơ sở giải trình các hoạt động của Trường với các bên liên quan trong và ngoài Trường;
- Tăng cường hiệu quả các hoạt động của Trường theo hướng đơn giản hoá các thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý;
- Tổ chức đánh giá mô hình quản trị đại học 5 năm một lần. Huy động sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xem xét và cải cách mô hình quản trị trường đại học sau đó đối sánh và xây dựng lại mô hình; Đầu tư phát triển theo mô hình đã xác định trong tầm nhìn của Trường;
- Tăng cường hiệu quả các công cụ quản lý, giám sát hiệu suất của mỗi vị trí công việc theo đề án vị trí việc làm, triển khai hệ thống phần mềm quản lý phù hợp; Tập trung để tích hợp các phần mềm tác vụ thành hệ thống quản lý các nguồn lực của Trường một cách đồng bộ, thống nhất;
- Đẩy mạnh các chính sách đào tạo đội ngũ để đảm bảo tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ học vấn; Tuyển dụng đội ngũ đúng chuẩn, đảm bảo đủ và phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm; có chính sách thu hút các nhân sự tiềm năng và được xếp hạng có khả năng vượt trội; Phát triển đội ngũ có định hướng với kế hoạch cụ thể về học hàm, học vị, chức danh nghề nghiệp; định hướng phát triển chuyên gia và nhóm chuyên gia...
- Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ đánh giá chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường trong thời kỳ mới;
- Định kỳ thực hiện việc tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài; Đảm bảo các cơ sở giáo dục của Trường đều đạt kiểm định theo yêu cầu; Thực hiện hiệu quả kế hoạch hành động sau tự đánh giá và đánh giá ngoài;

- Xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cán bộ, viên chức nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch trong việc đánh giá chất lượng nguồn nhân lực để hướng tới việc sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả;
- Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo thông qua việc kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc gia hoặc khu vực (chuẩn AUN – QAC);
- Chuẩn hoá các công cụ thu thập phản hồi từ người học, giảng viên và các bên liên quan một cách rộng rãi và thường xuyên. Tiến hành thu thập, lấy ý kiến phản hồi, lấy kết quả đánh giá theo quy trình và khai thác, sử dụng kết quả một cách phù hợp, hiệu quả.

2. Phát triển chương trình

- Đánh giá và điều chỉnh theo chu kỳ chương trình đào tạo đáp ứng những đổi mới trong chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam và những phản hồi từ các bên liên quan; Điều chỉnh thường xuyên tất cả chương trình đào tạo và bồi dưỡng với sự tham vấn của các bên liên quan;
- Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và bồi dưỡng đúng quy chuẩn các bước và quy trình nghiệm thu, hoàn thiện; Đầu tư phát triển đồng bộ các giáo trình và bộ giáo trình trọng điểm, giáo trình chuyên ngành, nghiệp vụ theo định hướng đáp ứng về tỉ lệ giáo trình cần có và chất lượng các giáo trình để định vị hình ảnh và vị thế của Trường: bộ giáo trình Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn; Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; Phát triển chương trình môn học/ Hoạt động giáo dục; Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục...
- Xây dựng mới chương trình đào tạo các ngành Sư phạm đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Sư phạm Giáo dục công dân; Sư phạm Kinh tế Pháp luật; Sư phạm Công nghệ; Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật... Xây dựng các chương trình đào tạo giáo viên chất lượng cao theo đặt hàng cam kết; chương trình đào tạo Thạc sĩ Giáo dục học các ngành đào tạo giáo viên theo hướng thử nghiệm 3 + 2,5; 4 + 1,5 và một số ngành Thạc sĩ có nhu cầu: Tình dục học, Công nghệ giáo dục, Văn hóa học...; Xây dựng các chương trình ngành ngoài Sư phạm đáp ứng nhu cầu thực tiễn và khai thác thế mạnh của Trường: Du lịch,

Giáo dục học, Công nghệ giáo dục và Ứng dụng CNTT trong giáo dục; Truyền thông, Kinh tế học; Xây dựng các chương trình bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng các đối tượng có nhu cầu dựa trên phân tích từ thực tiễn và tiềm lực của Trường;

- Phát triển các chương trình đại học và sau đại học thông qua hợp tác với các trường đại học nước ngoài, với sự tư vấn của các chuyên gia trong nước và quốc tế; Tổ chức đào tạo liên kết với nước ngoài theo định hướng của các đơn vị trực thuộc Trường theo lộ trình phát triển;
- Phát triển các chương trình Thạc sĩ ứng dụng và triển khai cải tiến đào tạo.

3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

- Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho giảng viên, nghiên cứu viên phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nhất là nhóm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên;
- Rà soát, điều chỉnh kế hoạch tổng thể 5 năm và hàng năm về hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với năng lực đội ngũ và định hướng phát triển của Trường cũng như các kết quả cập nhật theo điểm rơi;
- Chính sửa, bổ sung chính sách ưu tiên đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học; cụ thể hóa và điều chỉnh các chính sách dành cho công bố quốc tế, nhóm nghiên cứu mạnh, hoạt động của Quỹ khuyến khích nghiên cứu khoa học của Trường
- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học giáo dục thông qua hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục trong khu vực và trên thế giới; Tiến hành thực hiện đề tài hợp tác song phương; gia tăng các công bố khoa học hợp tác giữa các quốc gia; giữa Trường ta và các Trường có thứ hạng được định hướng
- Hỗ trợ xuất bản các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; nâng cao hiệu quả hoạt động của Tạp chí tiến tới xuất bản hoàn toàn online; Phát triển tạp chí khoa học nhà trường theo từng chặng nhưng có định hướng điểm đến sau 5 năm phù hợp, có tầm nhìn;
- Cập nhật toàn bộ danh sách các đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu qua website của Trường. Công khai các đề tài khoa học, các thông tin khoa học và công nghệ; Cải tiến hệ thống lưu trữ các thông tin, bài báo: Lý lịch khoa học

cập nhật (khai tự động bổ sung trên hệ thống - chỉ cập nhật); ghi nhận và xuất các bài báo được hỗ trợ hàng quý hoặc hàng tháng như trách nhiệm của Trường đối với nhà khoa học; Triển khai chế độ nhắc tự động theo kế hoạch nghiên cứu với từng đề tài và nhóm đề tài; Cải tiến công tác xét duyệt, nghiệm thu và tài chính trong nghiên cứu...

- Đổi mới công tác quản lý trong phân khai tài chính dành cho hoạt động nghiên cứu hàng năm, đầu tư trọng điểm có chiến lược cho các đề xuất đặc biệt của đội ngũ (đăng ký chức danh, cam kết công bố khoa học theo tiêu chuẩn;...).

4. Hợp tác và đối ngoại

- Mở rộng và tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước thông qua các kế hoạch cụ thể với các hành động cụ thể;

- Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo giáo viên nước ngoài để lan tỏa hình ảnh và thực hiện chiến lược ảnh hưởng của trường theo tầm nhìn và sứ mạng đã xác định; Lập kế hoạch chiến lược đào tạo giáo viên đáp ứng nhu cầu trong nước và khu vực theo đúng tầm nhìn của Trường;

- Huy động tài chính và thiết lập chính sách khuyến khích hợp tác với các cơ sở đào tạo giáo viên, các địa phương hay các tổ chức có nhu cầu đặt hàng đào tạo nhằm khích lệ đào tạo giáo viên, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ;

- Xây dựng môi trường giáo dục tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho các ngành đào tạo hợp tác với các cơ sở giáo dục quốc tế, tiêu chuẩn quốc tế;

- Thúc đẩy các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Giáo dục và Phòng Hợp tác Quốc tế và các đơn vị trực thuộc theo đề án đào tạo quốc tế nhằm tạo cầu nối cho các mối quan hệ hợp tác quốc tế có kết quả cụ thể;

- Tìm kiếm các nguồn đầu tư từ đối tác nước ngoài; tăng cường hợp tác song phương trên nhiều quy mô, cấp độ; Chi tiết hóa về chỉ tiêu hợp tác quốc tế, học bổng quốc tế, nguồn thu từ các tổ chức quốc tế... Tăng cường trao đổi sinh viên với các trường đại học quốc tế có thứ hạng và có uy tín bám sát tầm nhìn, sứ mạng của trường;

- Tăng cường giao lưu văn hoá, đào tạo liên kết, trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên thông qua các dự án nghiên cứu như một nhiệm vụ; Khai thác các cơ hội hợp tác song phương trong hoạt động đoàn vào - đoàn ra;
- Rà soát, đánh giá, điều chỉnh chính sách hợp tác quốc tế và tăng cường hợp tác chuyên sâu với các quốc gia trong khu vực; Hệ thống hóa các quan hệ đã có của Trường và phân nhóm, phân loại để chủ động đề xuất chăm sóc mối quan hệ; cụ thể hóa kế hoạch hợp tác năm;
- Phát triển năng lực ngoại ngữ cho giảng viên và nhân viên của Trường đảm bảo phục vụ cho nhiệm vụ hợp tác và đối ngoại bằng biện pháp đánh giá toàn trường, cung cấp kết quả đánh giá cho từng giảng viên, nhân viên để đề xuất kế hoạch phát triển; Lựa chọn và triển khai các hình thức phát triển môi trường rèn luyện ngoại ngữ cộng đồng: Ngày nói tiếng Anh; Khen thưởng NCS bảo vệ Luận án bằng tiếng Anh...
- Chia sẻ kinh nghiệm đánh giá chính sách và hoạt động hợp tác với các tổ chức bên ngoài Trường theo từng lĩnh vực cụ thể;
- Phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông của Trường; gia tăng hình ảnh của nhà trường thu hút đối tượng tuyển sinh nước ngoài nhất là sinh viên quốc tế: Lào, Campuchia... Chú trọng phát triển ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam với sự đầu tư cụ thể, có chỉ tiêu tiến tới tuyển sinh các đối tượng có nhu cầu ở các Quốc gia như: Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc... Định hướng phát triển việc tuyển sinh online và đào tạo online kết hợp hay đào tạo như một cơ sở phân Khoa tại nước ngoài nhằm khai thác nguồn lực của đối tượng thế hệ F 1 của các gia đình Đài - Việt, Hàn - Việt;...

5. Môi trường giáo dục và các nguồn lực

- Hoàn thiện khuôn viên, môi trường tự nhiên của Trường nhằm tạo môi trường học tập cởi mở và thân thiện, hỗ trợ giảng dạy sáng tạo cũng như cách thức tự học, tự nghiên cứu hướng đến người học tích cực, cân bằng và có hứng thú học tập;
- Phát triển môi trường học tập kỹ thuật số (học trực tuyến, học bán trực tuyến...) tạo điều kiện cho người học học các chương trình đại học, sau đại học và chương trình bồi dưỡng thường xuyên; tăng cường sự hỗ trợ của thư viện trong việc giảng

dạy, học tập và nghiên cứu với các quy chế cụ thể hay các hướng dẫn học tập theo hình thức kết hợp từ đầu khóa;

- Trang bị phòng học thông minh, phòng học tương tác với các cơ sở giáo dục khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo, phát triển trường phổ thông hiện có và xây dựng các trường phổ thông nhiều cấp như cơ sở vệ tinh để nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên; khai thác hệ thống công nghệ thông tin kết nối để có thể quan sát và quản lý hệ thống bằng công nghệ tự động hóa;

- Đổi mới cơ chế tài chính một cách hiệu quả, minh bạch; đa dạng hóa các nguồn tài chính và tăng tỷ lệ chuyển giao công nghệ. Khai thác đề án vị trí việc làm theo các nhóm cụ thể, đăng ký chỉ tiêu và kế hoạch, tự đánh giá để hướng đến đánh giá kết quả lao động; Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và đề xuất các giải pháp phát triển nguồn thu giai đoạn 2020 - 2025 với các chỉ tiêu cụ thể;

- Tăng cường các dự án, đề án hợp tác để thu hút nguồn tài chính nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy và học tập cũng như tạo ra nguồn việc làm cho tập thể;

- Cải thiện chính sách tuyển dụng sao cho minh bạch, hiệu quả hơn; việc tuyển dụng nhân sự phải được kế hoạch hóa theo kế hoạch phát triển của Trường và được kiểm tra, đánh giá hàng năm theo kế hoạch để quản lý nguồn tài chính đầu tư, chi trả. Hoàn thiện quy định, chế độ học tập, nâng cao trình độ và cam kết thực hiện kế hoạch 5 năm sau tuyển dụng, kế hoạch phát triển cá nhân để đánh giá, xem xét nhân sự lao động...

6. Hỗ trợ dạy học

- Nâng cao năng lực sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho giảng viên; Phát triển năng lực làm chủ và triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho toàn thể giảng viên, chuyên viên phòng chức năng; Nâng cao hiệu quả hỗ trợ dạy học của giảng viên với các học phần nghiệp vụ, thực tập nghề nghiệp... Thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của công tác cố vấn học tập bằng những hành động cụ thể góp phần hỗ trợ dạy học hiệu quả, nâng cao chất lượng dạy học

- Tăng cường phát triển chuyên môn cho giảng viên nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy phù hợp với thực trạng, bối cảnh của Trường và nhu cầu xã hội nhất là các học phần ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực nghề: HP Phương pháp nghiên cứu khoa học, HP Nhập môn nghề nghiệp; HP Thực tập tốt nghiệp; các HP thay thế Khóa luận TN cho sinh viên NSP; HP Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; HP Nhập môn nghề giáo, HP Rèn luyện NVSP thường xuyên; HP Thực tập sư phạm 1, 2 và một số HP nghiệp vụ sư phạm... cho sinh viên các ngành SP
- Thiết lập một hệ thống đánh giá và khen thưởng nhân viên, giảng viên toàn diện dựa trên kết quả công việc, dựa trên phản hồi của sinh viên, mức độ tác động tới xã hội và giáo dục; Khai thác và sử dụng kết quả phản hồi của sinh viên bằng các biện pháp cụ thể với các định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ dạy học từ phản hồi
- Tăng cường hệ thống tư vấn cho các cán bộ, giảng viên mới được tuyển dụng của trường; Xây dựng và khai thác các Khóa học trực tuyến cập nhật cho giảng viên toàn trường, các viên chức khác nhằm cập nhật, nhắc lại các vấn đề từ quy chế làm việc, đạo đức nhà giáo,.. đến các vấn đề bồi dưỡng cập nhật về tư vấn, cố vấn học tập...

7. Hỗ trợ học tập

- Xem xét và hệ thống hóa các văn bản, quy trình và nhiệm vụ hỗ trợ người học trong Trường để hoàn thiện các định hướng, hành động cụ thể hỗ trợ người học ở các nhóm đối tượng khác nhau;
- Rà soát và thống nhất chính sách toàn diện về quốc tế hóa Trường, bao gồm tăng cường động lực và cách thức học tập của sinh viên đặc biệt chú trọng đến sự sáng tạo, giải quyết vấn đề và tự nghiên cứu; Khuyến khích các hình thức đánh giá thực chất về năng lực và phẩm chất của sinh viên; tôn trọng và khuyến khích cách thức đánh giá dựa trên kết quả sản phẩm của sinh viên thông qua công bố quốc tế, các ấn phẩm khác;
- Tăng cường trao đổi sinh viên, đổi mới mô hình thực tập ở cấp địa phương, khu vực và quốc tế; Khai thác và khuyến khích thực tập tự do - chủ động thông qua hệ thống kiểm tra, giám sát;

- Nâng cao năng lực làm việc, khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề và tự định hướng trong học tập của người học; ứng dụng công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo giáo viên và các chương trình đào tạo khác;
- Tăng cường hệ thống đánh giá phù hợp với kết quả học tập của chương trình học thông qua cách tiếp cận dựa trên kết quả và phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mới của Việt Nam; Tiến hành cải tiến đánh giá dựa trên Chuẩn nghề nghiệp ứng với các ngành đào tạo, đánh giá hiệu quả đào tạo theo định hướng vị trí việc làm; Quản lý công tác hỗ trợ người học học tập dựa trên chương trình đào tạo nhất là chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt và vị trí việc làm;
- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên đảm bảo đúng giá trị của nhà trường và cam kết đầu ra của ngành; Chuẩn bị các hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm cho người học góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra, đảm bảo hiệu quả đào tạo;
- Theo dõi sinh viên tốt nghiệp: Việc làm và cơ hội học tập nâng cao trình độ, sự gắn kết với nghề nghiệp; Đảm bảo việc điều tra việc làm sao cho đúng chuẩn và khai thác, sử dụng kết quả điều tra này sao cho hiệu quả;
- Thành lập Hội cựu sinh viên cấp trường, thúc đẩy mối quan hệ với các bên liên quan vì lợi ích của sinh viên và sự phát triển của trường; Khai thác hoạt động của các Chi hội cựu sinh viên cấp khoa và thực hiện các ghi nhớ gắn kết và đồng hành bằng những kế hoạch hành động cụ thể với các chỉ tiêu cụ thể được đồng thuận;
- Hỗ trợ học tập trên bình diện học tập trực tuyến bằng các chính sách và các đầu tư về định hướng, kỹ năng học tập của người học; nâng cao hiệu quả tư vấn và hướng dẫn sinh viên học tập trực tuyến hiệu quả;
- Tăng cường hỗ trợ người học thông qua chiến lược tư vấn, cố vấn học tập với các hành động cụ thể, liên tục;
- Hỗ trợ người học khởi nghiệp và nâng cao lòng yêu nghề trong bối cảnh đổi mới giáo dục cụ thể là việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam hiện nay cũng như bối cảnh khởi nghiệp trong thời đại 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ;

- Hỗ trợ học tập cho từng nhóm đối tượng nhất là nhóm người học quốc tế, nhóm người học yếu thế: nhóm sinh viên, học viên Cao học Lào, nhóm sinh viên ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và một số sinh viên người nước ngoài tại Trường; nhóm sinh viên LGBT, nhóm sinh viên khiếm thị; nhóm sinh viên có nguy cơ...;
- Hỗ trợ người học bằng các chương trình hành động trọng điểm nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp: chương trình hỗ trợ học ngoại ngữ; chương trình hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm; chương trình phát triển khả năng nghiên cứu khoa học; chương trình phát triển khả năng tự tạo việc làm và khởi nghiệp; chương trình hỗ trợ người học quốc tế...
- Hỗ trợ học viên Cao học bằng những cải tiến về: tuyển sinh, tư vấn học phần, rà soát tiến độ học tập; Tiến hành các định hướng thực hiện đề tài; rà soát tiến độ và đồng hành trong quá trình học tập của học viên Cao học, Nghiên cứu sinh nhằm giảm tỉ lệ thi không đỗ, bỏ học; không tốt nghiệp đúng hạn, gia hạn nhiều lần và dần dần biến các học viên thành các đại sứ của Trường.

CHI TIẾT HÓA KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG THEO LĨNH VỰC

1. Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
1	Tăng cường bồi dưỡng cho giảng viên mới và tập sự	Giúp giảng viên mới có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc	Giúp giảng viên mới nắm bắt về thực tế của ngành, của Trường, các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp và lĩnh vực công tác	- 100% giảng viên mới và tập sự được tham gia các khóa bồi dưỡng - 100% giảng viên mới hoàn tất khóa học trực tuyến có liên quan như yêu cầu bắt buộc - 100% giảng viên mới có kế hoạch phát triển 5 năm và lộ trình cam kết thực hiện
2	Nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên	Năng lực chuyên môn của các giảng viên của Trường được phát triển thêm một bước, đáp ứng yêu cầu cải cách giáo dục đại học, đào tạo giáo viên trung học trong bối cảnh hội	Nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên trong các lĩnh vực: Xây dựng giáo trình đại học và các hoạt động tương tác với các trường trung học; Giảng dạy tích hợp và giáo dục STEM; Giảng dạy trực tuyến; Đánh giá trong giáo dục bằng	- Các khóa học trực tuyến bồi dưỡng nâng cao khả năng về chương trình giáo dục phổ thông mới, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá - 05 dự án/ đề án dành cho cộng đồng học tập, phát triển chuyên môn dành cho giảng viên - 10% đội ngũ học thuật và hành chính tham gia các khóa học, tập huấn tại nước ngoài theo lộ trình - 06 chương trình bồi dưỡng đồng tổ chức với các

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
		nhập khu vực và quốc tế, khu vực và Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư	phương pháp dựa trên kết quả; Xây dựng chương trình đào tạo; Xây dựng bài giảng trực tuyến; Cải thiện kỹ năng công bố bài báo quốc tế cho giảng viên về khoa học xã hội	trường đại học nước ngoài để phát triển năng lực chuyên môn của giảng viên, đáp ứng chuẩn giảng viên mới - 20 đến 30 viên chức đi học nâng cao trình độ bằng chương trình tiếng Anh
3	Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên	Cải thiện chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế	Tăng cường khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học	- 60% cán bộ trẻ (dưới 35), 40% cán bộ trên 35 tuổi tham gia các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ (các khóa học này được chuyên gia trong nước và quốc tế thẩm định) với kết quả phát triển cụ thể - 30 chuyên đề/ khóa học giảng dạy bằng tiếng Anh trong đó có 50% khóa học được khai thác dưới hình thức trực tuyến
4	Hỗ trợ giáo viên trong việc rèn luyện kỹ năng sư	Chuyên nghiệp hoá đội ngũ giáo viên để đáp ứng các nhu cầu	Giúp giảng viên nâng cao nhận thức về nghề nghiệp, tự cập nhật các kiến thức, công	Ít nhất 03 khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy tương tác, e-learning trong chương trình bồi dưỡng

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
	phạm đổi mới phương pháp giảng dạy, đặc biệt phương pháp thực nghiệm trong chương trình giáo dục thường xuyên	đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.	nghe mới về giáo dục, chủ động nắm bắt và giải quyết các vấn đề xã hội tác động đến các hoạt động sư phạm	thường xuyên có sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước
5	Đổi mới chính sách đánh giá giảng viên và thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ, có học hàm	Đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai, minh bạch.	Giảng viên được đánh giá khách quan, minh bạch và đầy đủ ở các mặt giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	- 01 bộ công cụ đánh giá giảng viên mới có sự thẩm định của chuyên gia tư vấn quốc gia và quốc tế - 50% giảng viên được đánh giá bằng chuẩn giảng viên mới và những hoạt động nâng cao năng lực và kỹ năng sư phạm được hỗ trợ các biện pháp phát triển 01 chính sách để thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ, có học hàm; điều chỉnh chính sách động viên, khen thưởng các giảng viên của Trường có trình độ sau tiến sĩ, có học hàm

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
	Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc	Nâng cao chất lượng của công tác tuyển dụng nhằm phát triển được đội ngũ của nhà trường	Nâng cao chất lượng của công tác tuyển dụng nhằm phát triển được đội ngũ của nhà trường nhằm phát triển các nhà giáo dục xuất sắc	- Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng có chất lượng cao, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn quốc gia về giảng viên, đảm bảo đủ chuẩn từ ThS trở lên - Tuyển được thêm ít nhất 10 tiến sĩ về giáo dục phục vụ cho công tác nghiên cứu, đào tạo các ngành; Đảm bảo sử dụng minh bạch và có ghi nhận đóng góp của các nhà khoa học nổi trội cụ thể là các đóng góp về đào tạo, bồi dưỡng như chuyên gia hoặc có công bố khoa học vượt trội
	Nâng cao năng lực quản lý đại học cho cán bộ quản lý của Trường	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý trong tất cả các mặt của Trường	Nâng cao năng lực quản lý đại học cho cán bộ quản lý trong lĩnh vực quản lý nguồn lực; tổ chức phát triển chương trình đào tạo; dự án, ứng dụng CNTT trong quản lý; tài chính	- 04 Hội nghị, 05 tập huấn để nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ quản lý các đơn vị trực thuộc (phân tích tầm nhìn, xây dựng kế hoạch, phân tích các công việc và kỹ năng quản lý...) - 03 Khóa tập huấn do chuyên gia nước ngoài kết hợp cùng lãnh đạo Trường thực hiện cho đội ngũ cán bộ tiềm năng, hạt nhân theo từng nhóm cụ thể

2. Chiến lược phát triển lĩnh vực đào tạo

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
1	Rà soát, đánh giá, cập nhật, bổ sung các chương trình đào tạo giáo viên (cả chương trình đào tạo và bồi dưỡng) để đáp ứng các yêu cầu mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đảm bảo đào tạo giáo viên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và các yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đảm bảo tất cả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các ngành sư phạm phải được rà soát, đánh giá, cập nhật và ban hành	- Các CTĐT được cập nhật và điều chỉnh với sự tư vấn của các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế - Tất cả các chương trình đào tạo đều được cập nhật, điều chỉnh theo sự đánh giá, phản hồi từ người học và các bên có liên quan - 80% giáo viên, cấp quản lý trong chương trình bồi dưỡng thường xuyên tự đánh giá đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đạt tiêu chuẩn giáo viên theo định hướng - Có những khóa học hay bài dạy trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng (quy đổi 25 - 30%) được quay hình nhận được sự phản hồi tích cực từ chuyên gia uy tín trong và ngoài nước
2	Rà soát, điều chỉnh việc thực hiện các chương trình bồi dưỡng, đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu	Đảm bảo tất cả các chương trình bồi dưỡng đều được tổ chức đồng bộ, đảm bảo tính linh hoạt,	Các chương trình được rà soát để đảm bảo nhu cầu của các bên liên quan	- Ít nhất 80% các chương trình bồi dưỡng đều được phản hồi tốt từ người học và các bên có liên quan - Điều chỉnh các chương trình bồi dưỡng sau tổ chức như một yêu cầu bắt buộc - Quản lý hệ thống các chương trình bồi dưỡng toàn trường để đảm bảo đúng quy trình, tuân thủ hệ thống (Từ Phòng Đào tạo,

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
	các bên liên quan	đáp ứng nhu cầu các bên liên quan		Phòng Sau Đại học, Trung tâm, Viện, Khoa...)
3	Xây dựng và khai thác hệ thống đào tạo trực tuyến	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, xây dựng môi trường học tập với sự hỗ trợ của e-Learning phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng đạt hiệu quả	Xây dựng hệ thống VLE để tổ chức đào tạo e-learning trực tuyến và bán trực tuyến với các tài nguyên học tập, giảng dạy phục vụ cho đào tạo trực tuyến	- Một hệ thống đào tạo trực tuyến VLE đáp ứng các yêu cầu đào tạo và vận hành ổn định. - Đảm bảo đến năm 2022 có ít nhất 30% các học phần đào tạo và bồi dưỡng được thực hiện kết hợp học trực tuyến và học trên lớp học truyền thống. - Phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến VLE để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho sinh viên, học viên SDH và học viên tham gia bồi dưỡng. Đảm bảo đến năm 2025 có ít nhất 15% các tín chỉ đào tạo hay các thời lượng khóa bồi dưỡng trực tuyến hoàn toàn.

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
4	Xây dựng và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo	Đảm bảo các chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật định kì một cách khoa học	- Đảm bảo các chương trình đào tạo được định kì rà soát, đánh giá, cập nhật, bổ sung - Đảm bảo các bên có liên quan tham gia đầy đủ trong việc rà soát, đánh giá và cập nhật, chương trình - Đảm bảo cập nhật chương trình theo định kì một cách đều đặn và hiệu quả	- Quy trình này được đánh giá, ban hành, công nhận và tham khảo bởi các trường đại học khác trong khu vực và quốc tế và triển khai trong thực tế - Có từ 02-03 hợp tác chiến lược với các trường đại học khu vực và quốc tế chuyên về giáo dục về lĩnh vực đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo, từ đó phát triển lĩnh vực đào tạo giáo viên quốc tế theo định hướng - 100% chương trình đào tạo được rà soát theo định kì; đảm bảo việc phân mức độ điều chỉnh chương trình đào tạo dựa trên kết quả rà soát

5	Phát triển các chương trình đào tạo mới	Bổ sung các chương trình đào tạo đáp ứng đúng tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường	- Mở thêm các chương trình thạc sĩ lý luận dạy học bộ môn - Mở thêm các chương trình đào tạo giáo viên dạy chuyên ngành bằng song ngữ Việt - Anh - Mở thêm các chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018; các chương trình đào tạo nhân lực xã hội có nhu cầu	- 03 chương trình ThS về phương pháp giảng dạy môn học; 05 chương trình ThS các ngành ngoài Sư phạm; Thực hiện đề án thí điểm đào tạo ThS từ các cử nhân khoa học - 03 chương trình đào tạo cử nhân sư phạm song ngữ Việt-Anh (với sự tư vấn của các tư vấn trong nước và quốc tế) - 03 chương trình đào tạo cử nhân sư phạm đáp ứng được những đổi mới chương trình giáo dục tổng thể 2018 - 03 chương trình đào tạo cử nhân đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội - 03 đến 05 chương trình cử nhân đã có mã ngành được điều chỉnh theo hướng hiện đại, ứng dụng và thực hành góp phần nâng cao hiệu quả tuyển sinh - Ít nhất 04 chương trình đào tạo liên kết cử nhân, ThS mới được mở với sự tư vấn của các tư vấn trong và ngoài nước - 10 chương trình bồi dưỡng giáo viên tiểu học/trung học cơ sở đáp ứng được những đổi mới chương trình giáo dục 2018 - 5 chương trình bồi dưỡng nhân lực được thực hiện với 19 tỉnh thành trong địa bàn phụ trách
---	---	--	---	--

3. Chiến lược phát triển lĩnh vực nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
1	Phát triển phần mềm để quản lý và số hoá, xây dựng các cơ sở dữ liệu khoa học để nâng cao hiệu quả quản lý khoa học và công nghệ	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ quản lý khoa học và công nghệ; cập nhật, cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho cán bộ và người học	Thiết lập một cơ sở dữ liệu khoa học của trường; Thường xuyên cập nhật kết quả nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên trên trang thông tin điện tử; liên kết cơ sở dữ liệu trực tuyến để hỗ trợ giảng viên và người học khai thác khoa học và công nghệ	- Hệ cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý các hoạt động khoa học công nghệ - Có thể xuất dữ liệu lý lịch khoa học của các nhà khoa học nhanh chóng, hiệu quả (khai LLKH cập nhật tự động, xuất tự động, công khai có kiểm tra, minh chứng đính kèm...) - Có thể chủ động kiểm tra, đối chiếu các công bố khoa học để hỗ trợ khen thưởng
2	Xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên và người học nâng cao chất lượng và số lượng nghiên cứu khoa học giáo dục	Thiết lập cơ chế để hỗ trợ giảng viên trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; phát triển một môi trường học tập sáng tạo và bền vững	Hoàn thiện văn bản quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác đào tạo, nghiên cứu để khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia hội nghị, hội thảo, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học quốc tế và trong nước	- Đạt 300 bài công bố kết quả nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước mỗi năm trong đó có ít nhất 120 đến 160 bài tăng dần - Điều chỉnh quy chế hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ, tăng kinh phí hỗ trợ, khen thưởng; chú trọng việc hỗ trợ công bố quốc tế và ưu tiên các công bố thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục, xã hội và nhân văn (phí công bố)

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
				- Phát triển và khai thác hiệu quả Quỹ Hỗ trợ hoạt động KHCN; duy trì hoạt động giải thưởng KHCN 2 năm/ 1 lần
3	Ứng dụng kết quả nghiên cứu của Trường vào hoạt động dạy và học	Kết quả nghiên cứu của Trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học	Nghiên cứu, đổi mới và phổ biến các kết quả nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc	Các minh chứng về việc kết quả NCKH được ứng dụng trong hoạt động dạy và học trong nhà trường và các trường phổ thông trên toàn quốc Tăng cường các nghiên cứu có kết quả ứng dụng xem như tiêu chí ưu tiên: khóa bồi dưỡng đề xuất; mô hình ứng dụng; tiêu chuẩn kỹ thuật, công bố quốc tế uy tín, sản phẩm khoa học kỹ thuật có thể chuyển giao, sản xuất...
4	Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giám sát và đánh giá các hoạt động nghiên cứu, phát triển	Nâng cao hiệu quả và chất lượng nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới trong Nhà trường	Các hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới được giám sát, đánh giá chất lượng chặt chẽ, làm cơ sở nâng cao chất lượng nghiên cứu	Cơ chế, quy trình giám sát, thẩm định các công trình khoa học; Giảm tải các thủ tục trong quy trình xét duyệt đề tài, nghiệm thu đề tài Tăng cường các đề tài khoa học đặt hàng, giải quyết các nhiệm vụ của Trường...

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
5	Nâng cao chất lượng của Tạp chí khoa học của Nhà trường	Nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học theo đúng tầm nhìn và sứ mạng của Trường	Các chuyên san của Tạp chí được chấp nhận vào danh mục danh mục hệ thống trích dẫn của các nước Đông Nam Á (ACI), hướng tới vào danh mục SCOPUS của Tập đoàn xuất bản Elsevier	- Nâng cấp hệ thống quản lý, xuất bản, phát hành, hệ thống trình duyệt bài trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế (ACI, SCOPUS) - Xuất bản các số tạp chí bằng tiếng Anh mỗi năm ít nhất 25%
				- Nâng cấp hệ thống quản lý, xuất bản, phát hành, hệ thống trình duyệt bài trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế (ACI, SCOPUS) - 05 số bằng tiếng Anh, có chỉ số ACI & SCOPUS; - 04 số bằng tiếng Anh về Giáo dục của các nhà xuất bản danh tiếng hoặc có chỉ số ACI & SCOPUS
6	Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và	Tăng cường cơ hội học tập cho người học, giúp người học tiếp cận với các mô hình đào tạo và	Tăng cường cơ hội học tập cho người học, giúp người học tiếp cận với các mô hình đào tạo và nghiên cứu khoa học tiên tiến, tích hợp các vấn đề toàn cầu về	- Có ít nhất 06 chương trình liên kết, đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các Trường đại học và các đối tác nước ngoài - 10 khóa tập huấn về nghiên cứu khoa học được tổ chức dựa trên nhu cầu và thực trạng khả năng

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
	nghiên cứu khoa học với các Trường đại học và các đối tác nước ngoài	nghiên cứu khoa học tiên tiến	giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng	nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế của giảng viên, sinh viên - Tổ chức ít nhất 2 đề tài khoa học song phương hoặc đề tài thu hút nguồn kinh phí từ các quốc gia khác
7	Xây dựng chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt mức thông thạo ngoại ngữ theo quy định.	Chuẩn hóa khả năng ngoại ngữ theo quy định cho giảng viên và sinh viên	Giảng viên phải có trình độ ngoại ngữ tốt, đảm bảo phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học	Bảng báo cáo thực trạng năng lực tiếng Anh của giảng viên toàn trường; 100% giảng viên có trình độ B1 trở lên và kết quả phát triển năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế sau 3 năm phải tăng lên 2 bậc 100% sinh viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra; sinh viên chuyên ngữ được đánh giá năng lực theo chuẩn quốc tế
8	Lập kế hoạch nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ với các	Lập kế hoạch và phát triển nhóm chuyên gia tiếp cận thị trường nghiên cứu, chuyển	Xây dựng các nhóm nghiên cứu chính; Xây dựng kế hoạch hợp tác đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hoá	- Có ít nhất 07 nhóm nghiên cứu mạnh phù hợp với tầm nhìn của Trường trong đó có 3 nhóm nghiên cứu mạnh đạt tiêu chuẩn thực sự mạnh theo tiêu chuẩn của quốc gia hoặc khu vực

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
	địa phương khu vực phía Nam	giao công nghệ và dịch vụ cộng đồng	kết quả nghiên cứu; Xây dựng các đề tài nghiên cứu phối hợp với các địa phương	- Có ít nhất 10 dự án nghiên cứu và các nhiệm vụ hợp tác, chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các địa phương theo lộ trình
9	Thiết lập cơ chế và kế hoạch thu hút các chuyên gia nước ngoài, giáo viên mới ra nước ngoài, và sinh viên để trao đổi học thuật, giảng dạy và học tập tại trường đại học	Tạo ra môi trường trao đổi và hội nhập quốc tế sâu rộng trong đào tạo và nghiên cứu khoa học	Thiết lập một cơ chế để thu hút các chuyên gia quốc tế, giáo viên mới ra nước ngoài, và sinh viên; xây dựng chương trình đào tạo và bồi dưỡng sinh viên quốc tế	- Có 30 đến 50 giảng viên, cán bộ và 150 đến 200 sinh viên trao đổi với các trường đại học nước ngoài, mỗi năm có ít nhất 10 học bổng dành cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, giảng viên, chuyên viên... - Có từ 10 đến 15 thỏa thuận hợp tác (MOU, MOA) với các trường đại học và các viện nghiên cứu về đào tạo đội ngũ, đảm bảo chất lượng và nghiên cứu giáo dục - 05 hội thảo quốc tế (đồng tổ chức với các đối tác nước ngoài) về nghiên cứu giáo dục và phát triển đạt chất lượng đúng nghĩa hội thảo khoa học quốc tế

4. Chiến lược về phát triển cơ sở vật chất

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
1	Đổi mới và nâng cấp cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập	Xây dựng cảnh quan, môi trường giáo dục theo tầm nhìn, sứ mạng của Trường và đáp ứng các tiêu chuẩn chung của môi trường đào tạo Đại học hiện đại, văn minh	Các cơ sở và khuôn viên của trường đại học trở nên "xanh-sạch-đẹp" phù hợp với sứ mệnh giáo dục, tầm nhìn và mục tiêu / mục tiêu của trường	- Mảng xanh chiếm khoảng 30 đến 35% diện tích khuôn viên Trường - Có khu tự học đáp ứng cho khoảng 1000SV tại một thời điểm - Định hướng hình ảnh của các cơ sở theo định vị của Trường - Phát triển nhà xe thông minh phục vụ sinh viên có nhu cầu - Tiếp tục cải tiến cảnh quan khu vực Thư viện và dãy nhà H,M,... theo định hướng hiện đại, chuyên biệt; Phát triển cơ sở dành cho Trung học thực hành theo mô thức chuyên biệt và dùng chung
2	Xây dựng thư viện với tài nguyên phong phú về các tài liệu	Cung cấp nguồn tài liệu điện tử phục vụ	Cung cấp nguồn tài liệu điện tử phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học	- Thư viện được nâng cấp, trở thành thư viện khu vực và quốc gia - Thư viện trở thành khu học tập, nghiên cứu,

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
	liên quan đến giáo dục	dạy, học và nghiên cứu khoa học		làm việc và sinh hoạt học thuật - Gắn kết thư viện trong tổng thể khuôn viên của nhà trường; tạo đường di chuyển hệ thống đến nhà thư viện phù hợp, hiệu quả
3	Thiết lập cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đảm bảo sự phát triển của E-learning và đào tạo từ xa	Trang bị đầy đủ cho các khóa học dạy và học trực tuyến chất lượng với phương pháp giảng dạy tích cực	Cung cấp trang thiết bị; thiết lập hệ thống quản lý nội dung số,...	- Hệ thống quản trị nội dung LCMS hiệu quả và đồng bộ; - 10 phòng học chuyên biệt có thể ghi hình bài giảng trực tuyến, hỗ trợ sản xuất học liệu trực tuyến - Đảm bảo 30% số bài giảng xây dựng được đánh giá tốt từ phía các chuyên gia trong và ngoài nước - Tối thiểu 70% sinh viên và giáo viên phổ thông (trong các chương trình BDTX) đánh giá tốt về năng lực của hệ thống E-learning và đào tạo từ xa

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
4	Phát triển đồng bộ nhưng có trọng điểm các cơ sở của Trường	Phát triển các cơ sở của trường để khai thác hiệu quả kết hợp đầu tư trọng điểm để đảm bảo phát triển đều và chuyên sâu	Đảm bảo các cơ sở của Trường được xây dựng, hoàn thiện đúng mục tiêu, trên cơ sở đó khai thác công năng hiệu quả trong quản trị hệ thống	- Xem xét và đánh giá cơ sở vật chất từng cơ sở của Trường; tiến hành quy hoạch 1/500 và đảm bảo được phê duyệt. Xin chủ trương về đảm bảo cơ sở giáo dục thực hiện chức năng giáo dục, không xen lẫn hộ dân; Thực hiện việc phân khu, hoàn tất hồ sơ và khuôn viên của cơ sở 280 An Dương Vương trên định hướng làm việc và đề xuất phương án với Trường ĐH KHTN, ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Đánh giá cơ sở vật chất hàng năm, xây dựng kế hoạch phát triển và hoàn thiện cơ sở vật chất luân phiên, xen kẽ có trọng điểm qua phương thức Đoàn công tác rà soát, đề xuất định hướng điều chỉnh, phát triển - Triển khai dự án xây dựng mô hình Trường liên cấp; khai thác, chuyển giao sau khi vận hành cho các Tỉnh thành có nhu cầu

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
5	Mở rộng thêm cơ sở của Trường phục vụ định hướng phát triển	Tăng diện tích Trường thông qua mở rộng và tăng các cơ sở của Trường theo định hướng sát nhập thành phân hiệu	Tăng diện tích Trường, tăng khả năng đáp ứng quy mô đào tạo, thu hút và khai thác người học; giảm tải áp lực lưu lượng người và khối lượng công việc dồn vào cơ sở chính và các cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh	- Ít nhất có 2 phân hiệu hoạt động trong lộ trình 5 năm - Khai thác các cơ sở mới theo định hướng tập trung đào tạo nhóm, phát triển bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng tại chỗ - Đảm bảo học tập trực tuyến tại cơ sở ít nhất 10% đến 20% trong lộ trình - Đảm bảo có ít nhất 1 trường Liên cấp được xây dựng và phát triển theo lộ trình
6	Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí và đề xuất các giải pháp phát triển nguồn thu giai đoạn 2020 - 2025	Xác định hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí và đề xuất các giải pháp phát triển nguồn thu giai đoạn 2020 - 2025	Xác định hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí và hiệu quả sau từng năm	- Báo cáo thẩm định về hiệu quả sử dụng kinh phí sau mỗi chu kì 02 năm. Đảm bảo nguồn thu và hiệu quả sử dụng ngày càng nâng cao hướng về người lao động - Kế hoạch tài chính tăng nguồn thu dựa trên các hoạt động cụ thể hàng năm - Gắn kết phát triển tài chính và phát triển cơ sở vật chất của Trường đồng bộ, hiệu quả bằng

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
				các báo cáo, phân tích

6. Chiến lược về phát triển công tác đảm bảo chất lượng

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
1	Đổi mới công tác khảo thí theo định hướng đảm bảo chất lượng	Đổi mới công tác khảo thí theo định hướng đảm bảo chất lượng góp phần đạt được hiệu quả cao hơn về cải tiến chất lượng	Đổi mới công tác khảo thí nhất là điều chỉnh quy trình liên quan đến công tác này, thực hiện việc đánh giá kết quả trên hệ thống và ghi nhận, xuất kết quả sao cho khách quan, minh bạch	- Xây dựng dữ liệu đánh giá năng lực của học sinh THPT, trên cơ sở đó đề xuất cải tiến công tác tuyển sinh, thực hiện đề án tuyển sinh theo phương thức cải tiến - Thực hiện đánh giá trên hệ thống qua các phòng máy chuyên dụng của Trường ít nhất 10 - 15% tín chỉ
2	Đảm bảo thực thi quy trình phát triển chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng	Đảm bảo thực thi quy trình phát triển chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nhằm thực	Đảm bảo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đều thực hiện đúng quy trình để đảm bảo các yêu cầu về đảm bảo chất lượng cũng như yêu cầu	- Kiểm tra các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy trình và chuẩn đã xác định - Định hướng chọn chuẩn hồ sơ, quy trình để xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đúng nhóm tiêu chuẩn, đúng bộ tiêu chí

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
		hiện đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn	của đối tác, nhà tuyển dụng	
3	Thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và tham gia xếp hạng cơ sở giáo dục theo các bảng xếp hạng	Thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, tạo tầm ảnh hưởng của Trường theo đúng tầm nhìn và sứ mạng	Cơ sở giáo dục tiếp tục đạt chuẩn kiểm định và các cơ sở trực thuộc cũng đạt chuẩn kiểm định theo lộ trình	- Rà soát kiểm định giữa kỳ và đạt kết quả kiểm định lần 2 theo chu trình 5 năm - Đảm bảo kết quả kiểm định trường THPT đạt chuẩn - Xem xét và nghiên cứu đề xuất kiểm định Trung tâm Thuận An theo bộ tiêu chuẩn phù hợp có gắn kết với mô hình Trường liên cấp theo lộ trình
4	Đảm bảo công tác đào tạo triển khai trên các chương trình đào tạo được kiểm định	Công tác đào tạo triển khai trên các chương trình đào tạo được kiểm định hướng đến sự nhất quán về quy trình thực hiện đảm bảo	Kiểm định các chương trình đào tạo toàn trường như yêu cầu trọng điểm đảm bảo chất lượng đào tạo	- Đảm bảo 100% các chương trình đào tạo sư phạm được kiểm định và xem như đây là trọng điểm trong kế hoạch năm, kế hoạch nhiệm kỳ của các Khoa, Phòng - Đảm bảo 75% các chương trình đào tạo các ngành Ngoài Sư phạm được kiểm định trong

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
		chất lượng, các yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo		đó ít nhất 50% ngành (kể cả các ngành mới phát triển) đạt chuẩn AUN
5	Tiến hành khảo sát theo yêu cầu và khảo sát theo định hướng đảm bảo chất lượng	Khảo sát theo yêu cầu và khảo sát theo định hướng đảm bảo chất lượng nhằm đảm bảo các yêu cầu về đảm bảo chất lượng	Thực hiện các khảo sát theo quy định của Bộ, Ngành một cách nghiêm túc, đầy đủ và hệ thống; Tiến hành khai thác và sử dụng các dữ liệu phản hồi theo định hướng đảm bảo chất lượng	- Thực hiện đúng, đủ các yêu cầu khảo sát theo quy định của Bộ, Ngành: Khảo sát tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ việc làm đúng ngành, tỉ lệ học Sau đại học - Thực hiện phản hồi của người học và đề xuất quy trình xử lý kết quả, khai thác kết quả để đảm bảo chất lượng dựa trên các văn bản ban hành hướng dẫn từ Phòng Chức năng - Tiến hành các khảo sát nhu cầu của các đối tác, các tổ chức tuyển dụng nhân sự để đặt hàng đào tạo theo mô thức đào tạo theo hợp đồng dành cho sinh viên sư phạm; gắn kết với đề án đào tạo ThS Giáo dục học thí điểm 3+ 2,5 hoặc 4+ 1,5 để thực hiện đào tạo theo

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
				nhu cầu, đào tạo chuyển giao, đào tạo có điểm đến

7. Chiến lược về tài chính

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
1	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ theo định hướng cập nhật, hoàn thiện và đón đầu tự chủ từng phần	Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ theo định hướng mới, bối cảnh mới với sự đồng thuận cao từ các bên có liên quan để tích cực làm việc, gắn bó với tổ chức	- Quy chế chi tiêu nội bộ hoàn thiện - Nhận thức rõ ràng và đầy đủ về quy chế chi tiêu nội bộ để tuân thủ và thực hiện hiệu quả - Một số mẫu mã hướng dẫn thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ và hướng dẫn đề xuất về tài chính theo quy chế chi tiêu nội bộ
2	Kế hoạch hóa tài chính năm, nhóm năm theo mục tiêu, giai đoạn	Kế hoạch hóa tài chính năm, nhóm năm theo mục tiêu nhằm chủ động về nguồn tài chính chi	Thực hiện kế hoạch hóa tài chính năm, giai đoạn, xác định nguồn chi cố định mỗi tháng để chủ động về mặt tài chính, tích lũy, tái đầu tư,	- Bảng phân tích kế hoạch tài chính năm trên các lĩnh vực và đề xuất kế hoạch thực hiện - Bảng xác định nguồn quỹ, nợ và lộ trình thực hiện

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
		trả, sử dụng	phát triển	
3	Gia tăng nguồn thu	Gia tăng nguồn thu góp phần nâng cao hiệu quả lao động, phát triển ngân quỹ chung và định hướng khuyến khích chi trả theo hiệu suất làm việc	Gia tăng nguồn thu từ các hoạt động hợp pháp trên cơ sở giao chỉ tiêu hay định hướng chỉ tiêu, từ đó quản lý hiệu quả làm việc và góp phần khuyến khích người lao động; thực hiện thử nghiệm cơ chế khoán chỉ tiêu đón đầu tự chủ	- Báo cáo kết quả nguồn thu hàng năm, 5 năm - Báo cáo phân tích hiệu quả tài chính trên bình diện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, NCKH... (từng ngành so với chỉ tiêu tuyển sinh, so sánh các ngành với nhau về chỉ tiêu tuyển sinh - kinh phí thu và phí đầu tư đào tạo...); so sánh chi tiết về hiệu quả tài chính đào tạo VHVL 4, 2,5 và 1,5 năm; so sánh hiệu quả tài chính của các trung tâm trong trường để định hướng hỗ trợ, điều chỉnh
4	Thực hành tiết kiệm tài chính	Thực hành tiết kiệm tài chính góp phần cải tiến quản lý ngân quỹ, nâng cao hiệu quả chi	Thực hành tiết kiệm tài chính dựa trên phân tích, đánh giá thực tiễn của Trường để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính	- Đánh giá các hoạt động chi cơ bản, thường kỳ để xem xét và đề xuất - Quản lý kế hoạch dự trù tài chính trên kế hoạch năm để xem xét nguồn kinh phí và tiến hành đề xuất điều chỉnh

TT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Sản phẩm/ Mức độ đạt được
5	Cải tiến thu nhập người lao động	Cải tiến thu nhập người lao động kích thích động cơ làm việc và sự gắn bó với tổ chức	Cải tiến thu nhập người lao động dựa trên cơ sở đề án vị trí việc làm, kế hoạch làm việc năm góp phần kích thích động cơ làm việc và sự gắn bó với tổ chức	- Phân tích thu nhập của từng nhóm lao động, gắn kết với đề án vị trí việc làm để phân tích và đề xuất - Xem xét và đề xuất giải pháp khuyến khích lao động theo sản phẩm và chất lượng sản phẩm, nguồn thu đạt được